

Số: /2023/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG TƯ**Quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với:

- Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

2. Cơ quan, tổ chức; cá nhân có liên quan đến việc cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ là cơ quan có thẩm quyền quản lý hoặc theo phân cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện xây dựng, xác nhận, phê duyệt sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ trong các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ trung ương là cơ quan, đơn vị được Bộ Nội vụ phân công quản lý dữ liệu, phần mềm chuyên ngành thuộc chức năng quản lý của Bộ Nội vụ (sau đây gọi là cơ quan quản lý dữ liệu cấp I).

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ cấp bộ, ngành, địa phương là cơ quan, đơn vị được phân công thu thập, tổng hợp, báo cáo và quản lý dữ liệu thuộc quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương đó (sau đây gọi là cơ quan quản lý dữ liệu cấp II).

2. *Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ* là tập hợp thông tin của các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số và được quản lý bằng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu tập trung.

3. *Cập nhật dữ liệu* là việc thực hiện thao tác nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

4. *Tài khoản* là tên định danh và mật khẩu được cấp cho tổ chức hoặc cá nhân để đăng nhập vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

5. *Quản lý tài khoản người dùng* là việc tạo lập, cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy bỏ quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

6. *Quản lý cơ sở dữ liệu* là việc xây dựng, cập nhật, sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

7. Chia sẻ dữ liệu:

- *Chia sẻ dữ liệu mặc định*: là hình thức chia sẻ các dữ liệu thường xuyên trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành nội vụ theo quy trình đơn giản, trong đó cơ quan, đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ chuẩn bị sẵn các dịch vụ chia sẻ dữ liệu và cung cấp dữ liệu đã được chuẩn hoá cấu trúc dữ liệu trao đổi thông qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho nhiều cơ quan, đơn vị sử dụng.

- *Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù*: là hình thức chia sẻ dữ liệu chuyên ngành nội vụ cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng theo yêu cầu riêng đối với dữ liệu không được sử dụng thông dụng bởi nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau thông qua các hình thức phối hợp, bảo đảm về hạ tầng, kỹ thuật, công nghệ để xử lý hoặc tạo ra dữ liệu phục vụ chia sẻ dữ liệu.

8. *Khai thác cơ sở dữ liệu* là việc thực hiện các chức năng tra cứu, tìm kiếm, xem thông tin hoặc tổng hợp các tiêu chí thống kê, báo cáo, xuất, in các kết quả trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

9. *Phê duyệt dữ liệu* là thực hiện xác thực thông tin, dữ liệu trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

10. Phân quyền:

- *Phân quyền tiêu chuẩn* là việc cơ quan quản lý dữ liệu cấp I phân quyền cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu cho cơ quan quản lý dữ liệu cấp II để tổng hợp, cập nhật dữ liệu để báo cáo về Bộ Nội vụ.

- *Phân quyền mở rộng* là việc cơ quan quản lý dữ liệu cấp I giao cho cơ quan quản lý dữ liệu cấp II tiếp tục phân quyền xuống các cơ quan, đơn vị cấp dưới để thực hiện thu thập, cập nhật dữ liệu theo đề nghị của cơ quan quản lý dữ liệu cấp II.

Điều 4. Nguyên tắc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được quản lý tập trung từ trung ương đến bộ, ngành, địa phương; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin cho cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ trong các cơ quan, đơn vị.

2. Công tác cập nhật và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ là trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan, được thực hiện thống nhất, liên tục, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin của các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và có trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

3. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu.

4. Cơ quan, đơn vị được kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin với cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải đảm bảo điều kiện hạ tầng hệ thống thông tin, mô hình kết nối, cấu trúc dữ liệu, an ninh, an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin. Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phải tuân thủ các quy định của Đảng, quy định pháp luật về kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II
CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 5. Thu thập thông tin và tích hợp trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ bao gồm các thông tin trong cơ sở dữ liệu theo Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ, được tích hợp vào cơ sở dữ liệu tích hợp ngành Nội vụ tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp phần mềm/cơ sở dữ liệu mới chưa có trong Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, thì thực hiện cập nhật, đồng bộ hóa dữ liệu vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ theo quy định tại Thông tư.

Điều 6. Tạo lập, cập nhật, phê duyệt dữ liệu trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Cơ quan quản lý dữ liệu cấp I trực tiếp cập nhật dữ liệu hoặc cấp tài khoản truy cập vào cơ sở dữ liệu hoặc phần mềm cho cơ quan quản lý dữ liệu cấp II để thu thập, tổng hợp, cập nhật dữ liệu chuyên ngành Nội vụ; hoặc cơ quan quản lý dữ liệu cấp II tiếp tục phân quyền mở rộng cho các cơ quan, đơn vị cấp dưới quyền truy cập, cập nhật dữ liệu sau khi đăng ký phân quyền (Phụ lục II) và được cơ quan quản lý dữ liệu cấp I cho phép.

2. Cơ quan, đơn vị được giao cập nhật dữ liệu có trách nhiệm truy cập vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ để cập nhật thông tin; thông tin phải thống nhất định dạng kỹ thuật, phản ánh đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định của từng dữ liệu.

3. Cơ quan quản lý dữ liệu cấp II có trách nhiệm phê duyệt bằng ký số trên hệ thống cơ sở dữ liệu sau khi đã được tổng hợp để gửi về cơ quan quản lý dữ liệu cấp I theo thời gian quy định đối với từng dữ liệu.

4. Cơ quan quản lý dữ liệu cấp I phê duyệt hoặc có ý kiến hoàn thiện dữ liệu trong vòng 10 ngày làm việc. Sau 10 ngày làm việc từ khi nhận được báo cáo của Cơ quan quản lý dữ liệu cấp II thông qua hệ thống phần mềm nếu không phê duyệt, phần mềm sẽ tự động nhập số liệu vào báo cáo tổng hợp và cơ quan quản lý dữ liệu cấp I chịu trách nhiệm phê duyệt phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của dữ liệu. Việc phê duyệt thực hiện trên phần mềm.

Điều 7. Khai thác cơ sở dữ liệu

1. Bộ Nội vụ khai thác, sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phục vụ công tác xây dựng, hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và ngành Nội vụ.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

3. Việc khai thác dữ liệu bằng các hình thức: sử dụng tài khoản được phân quyền; kết nối, chia sẻ dữ liệu số; công bố dữ liệu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ, Cổng thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định.

Điều 8. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 47/2020/NĐ-CP).

2. Đối với cơ quan quản lý dữ liệu cấp II bảo đảm hệ thống đáp ứng yêu cầu tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Cơ quan đã đáp ứng yêu cầu tích hợp và được cấp khóa kết nối qua phương thức truyền nhận dữ liệu sẽ thực hiện các bước đồng bộ dữ liệu từ cơ quan lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ như sau:

Bước 1: Thực hiện đồng bộ danh mục từ hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ về hệ thống danh mục của cơ quan để đồng bộ thông tin danh mục giữa hai hệ thống.

Bước 2: Thực hiện đồng bộ thêm mới hoặc cập nhật dữ liệu lên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

Bước 3: Theo dõi nhật ký đồng bộ để quản lý trạng thái đồng bộ thành công hay không thành công từ hệ thống địa phương lên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

Bước 4: Cơ quan quản lý dữ liệu cấp II phê duyệt dữ liệu bằng chữ ký số từ cơ quan lên kho cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ để phục vụ khai thác.

3. Chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù: Bộ Nội vụ thực hiện chia sẻ dữ liệu chuyên ngành Nội vụ cho cơ quan, đơn vị khác sử dụng theo yêu cầu riêng đối với dữ liệu không được sử dụng thông dụng bởi nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau. Việc thực hiện chia sẻ dữ liệu theo yêu cầu đặc thù thực hiện thông qua hình thức quy chế phối hợp, văn bản đề nghị của cơ quan có nhu cầu chia sẻ.

Chương III

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Bộ Nội vụ là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.
2. Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thu thập, cập nhật, thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.
3. Cung cấp dữ liệu của cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ theo các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.
4. Kết nối, cung cấp dữ liệu từ cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ lên Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác thông tin theo quy định tại Thông tư này.
5. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quy định tại Thông tư này.

7. Sơ kết, tổng kết, thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc triển khai thực hiện Thông tư này.

Điều 10. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ đạo tổ chức cập nhật, chuẩn hóa thông tin về dữ liệu chuyên ngành Nội vụ sẵn có tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phục vụ cho việc cập nhật vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

b) Đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật để kết nối, ổn định, thông suốt, an toàn hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành nội vụ tại cơ quan; đáp ứng các yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật của hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

c) Quản lý tài khoản người dùng, cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy bỏ quyền truy cập vào hệ thống cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của cơ quan quản lý dữ liệu.

d) Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn, an ninh và bảo mật thông tin dữ liệu chuyên ngành Nội vụ; đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường quản lý các lĩnh vực nội vụ của Đảng, Nhà nước.

đ) Người đứng đầu của cơ quan quản lý dữ liệu cấp II chịu trách nhiệm về việc lưu trữ dữ liệu chuyên ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác quản lý cơ sở dữ liệu, quản lý tài khoản người dùng để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu được an toàn, thông suốt.

g) Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền. Xem xét, xử lý vi phạm đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân không cập nhật dữ liệu, có sai phạm trong cập nhật dữ liệu và bảo quản cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý.

2. Văn phòng Chính phủ thực hiện kết nối hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm Thông tin, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Kinh phí cho hoạt động cập nhật, kết nối, chia sẻ và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

1. Kinh phí cho hoạt động cập nhật, kết nối, chia sẻ và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành nội vụ được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí đầu tư, quản trị, vận hành hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm duy trì cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được bố trí trong kinh phí chi đầu tư, chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến về Bộ Nội vụ để kịp thời có hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ban Tổ chức Trung ương;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Tổng cục Thống kê;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục I**DANH MỤC CƠ SỞ DỮ LIỆU CHUYÊN NGÀNH NỘI VỤ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BNV ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

STT	Tên CSDL/phần mềm	Ghi chú
1.	Phần mềm quản lý, khai thác dữ liệu cơ sở thờ tự và chức sắc tôn giáo	
2.	Hệ thống thông tin phản ánh kiến nghị (phananh.moha.gov.vn)	
3.	CSDL hội, quỹ và tổ chức phi chính phủ	
4.	Phần mềm nhiệm vụ Bộ trưởng giao	
5.	Phần mềm tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	
6.	CSDL sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	
7.	Hệ thống quản lý chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính các cấp	
8.	Hệ thống quản lý hồ sơ khen thưởng điện tử	
9.	Phần mềm một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến BNV	
10.	Phần mềm quản lý văn bản và điều hành Voffice	
11.	Hệ thống thông tin báo cáo Bộ Nội vụ	
12.	Phần mềm báo cáo thống kê ngành Nội vụ (thongke.moha.gov.vn)	

Phụ lục II
ĐỀ NGHỊ PHÂN QUYỀN CẬP NHẬT, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU
CHUYÊN NGÀNH NỘI VỤ

TÊN CƠ QUAN/ ĐƠN
VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-tên ĐV

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị phân quyền quản lý
 CSDL (phần mềm) chuyên ngành Nội vụ

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Thông tư số /2023/TT-BNV ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành nội vụ, cơ quan/đơn vị đề nghị Bộ Nội vụ phân quyền như sau:

1. Tên cơ sở dữ liệu đề nghị phân quyền: (Ghi tên CSDL, phần mềm cụ thể)
2. Nội dung đề nghị phân quyền: (Ghi rõ phân quyền để cập nhật dữ liệu, phân quyền quản lý dữ liệu).
3. Số lượng đầu mối đề nghị phân quyền (ghi số lượng đầu mối phân quyền tiêu chuẩn, phân quyền mở rộng).

Cơ quan/đơn vị cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định tại Thông tư số /2023/TT-BNV và các quy định của pháp luật có liên quan./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
(Ký số)